TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 - CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2026/DS-ST
Ngày: 04 - 02 - 2026
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ánh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bé Ngọc.

2. Bà Lý Thị Thu Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liễu - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân khu vực 11 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lượng - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Cần Thơ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2025/TLST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2026/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành T; sinh năm: 1981. (Có mặt)

Địa chỉ: Số E đường N, Khu V, phường V, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc L; sinh năm: 1978. (Có mặt)

Địa chỉ nơi thường trú: Ấp M, xã H, thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ nơi ở hiện tại: B Đường số E, Khu dân cư E, Khu V, phường V, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Thành T trình bày:

Vào ngày 05/7/2025, anh T có cho anh Nguyễn Ngọc L vay số tiền 370.000.000 đồng. Hai bên có lập Hợp đồng vay tiền. Lãi suất 01%/tháng. Thời hạn vay 01 tháng, kể từ ngày 05/7/2025. Từ khi vay đến nay anh L chưa trả nợ gốc và lãi cho anh T theo hợp đồng ký ngày 05/7/2025. Nay anh T yêu cầu anh L trả nợ cho tôi với số tiền nợ gốc là 370.000.000 đồng và yêu cầu trả lãi với lãi suất 01%/tháng/số tiền vay tính từ ngày vay đến ngày xét xử.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- *Theo nội dung biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Ngọc L trình bày:*

Vào ngày 05/7/2025, anh L có ký hợp đồng vay tiền của anh Nguyễn Thành T. Anh L thừa nhận chữ ký tên Nguyễn Ngọc L trong hợp đồng vay tiền ngày 05/7/2025 là chữ ký của anh L. Từ khi vay đến nay anh L chưa trả nợ gốc và lãi cho anh T theo hợp đồng ký ngày 05/7/2025. Tuy nhiên, nay anh T yêu cầu anh L trả số tiền đã vay theo hợp đồng ký ngày 05/7/2025 với số tiền tổng cộng là 370.000.000 đồng và yêu cầu trả lãi với lãi suất 01%/tháng/số tiền vay tính từ ngày vay đến ngày xét xử thì anh L không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của anh T. Lý do: Số tiền 370.000.000 đồng theo hợp đồng ký ngày 05/7/2025 là số tiền cộng dồn của các lần vay trước đó, bao gồm nợ gốc 150.000.000 đồng và nợ lãi với lãi suất 6%/tháng/số tiền vay anh T cộng dồn lại. Vì vậy, nay anh L chỉ đồng ý trả nợ cho anh T với số tiền 250.000.000 đồng và không trả nợ lãi.

Tại phiên tòa, anh L vẫn giữ nguyên ý kiến.

- *Nguyên đơn đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ:*

1. Đơn khởi kiện (bổ sung).
2. Bản tự khai.
3. Căn cước công dân của nguyên đơn (bản photo).
4. Hợp đồng vay tiền (bản photo).
5. Hợp đồng vay tiền (bản gốc).

- *Bị đơn đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ:*

1. Căn cước công dân của bị đơn (bản photo).

2. 02 (hai) bản in trắng đen ảnh chụp giấy ghi nợ.

- *Tòa án thu thập các tài liệu, chứng cứ:* Biên bản lấy lời khai bị đơn.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Không có.

Các tình tiết mà các bên đã thống nhất: Vào ngày 05/7/2025, anh Nguyễn Ngọc L có ký hợp đồng vay tiền với anh Nguyễn Thành T. Từ khi vay tiền ngày 05/7/2025 đến nay anh Nguyễn Ngọc L chưa trả nợ gốc và lãi cho anh Nguyễn Thành T.

Các tình tiết mà các bên không thống nhất: Anh Nguyễn Ngọc L không đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thành T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Buộc bị đơn anh Nguyễn Ngọc L có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn anh Nguyễn Thành T số tiền nợ gốc là 370.000.000 đồng và nợ lãi với lãi suất 01%/tháng/số tiền vay tính từ ngày vay đến ngày xét xử.

+ Về án phí: Buộc bị đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo "Hợp đồng vay tiền" được ký vào ngày 05/7/2025. Xét nội dung "Hợp đồng vay tiền" thể hiện việc bị đơn có vay tiền của nguyên đơn nên về bản chất giữa nguyên đơn và bị đơn đã giao kết hợp đồng theo quy định tại Điều 385 và Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Quá trình thực hiện hợp đồng do bị đơn vi phạm nghĩa vụ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp. Do đó, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi cư trú tại phường V, thành phố Cần Thơ. Căn cứ vào quan hệ pháp luật tranh chấp và quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của

Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; Nghị quyết số: 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Cần Thơ.

[4] Về pháp luật áp dụng: Hợp đồng vay tài sản (tiền) giữa các bên được xác lập vào ngày 05/7/2025 nên áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết tranh chấp.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[5] Về hiệu lực của hợp đồng: Nguyên đơn anh Nguyễn Thành T yêu cầu bị đơn anh Nguyễn Ngọc L trả số tiền đã vay là 370.000.000 đồng và nợ lãi phát sinh. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp, nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án bản gốc "Hợp đồng vay tiền" ngày 05/7/2025. Nội dung "Hợp đồng vay tiền" thể hiện: *Bên A (bên cho vay) anh Nguyễn Thành T cho bên B (bên vay) anh Nguyễn Ngọc L vay số tiền 370.000.000 đồng; thời hạn vay 01 tháng kể từ ngày 05/7/2025 đến ngày 05/8/2025; mục đích vay: mua vật tư xây dựng xóa nhà tạm, nhà dột nát; lãi suất 01%/tháng*; có chữ ký và chữ viết của bên cho vay Nguyễn Thành T và bên vay Nguyễn Ngọc L. Bị đơn anh L thừa nhận chữ ký và chữ viết tên Nguyễn Ngọc L trên "Hợp đồng vay tiền" ngày 05/7/2025 là của anh L. Do đó, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và sự thừa nhận của bị đơn, có cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập hợp đồng vay tài sản vào ngày 05/7/2025 với nội dung thỏa thuận về tài sản nguyên đơn cho bị đơn vay là số tiền 370.000.000 đồng, lãi suất là 01%/tháng và thời hạn vay là 01 tháng. Bên cạnh đó, xét thấy hợp đồng vay tài sản giữa các bên đáp ứng đủ các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên hợp đồng có hiệu lực từ thời điểm giao kết.

[6] Về nợ gốc: Theo thỏa thuận trong hợp đồng và sự thừa nhận của anh L thì anh L vay của anh Tốt số tiền 370.000.000 đồng, tính đến ngày xét xử, anh L chưa trả đủ nợ gốc cho anh T. Tuy nhiên, anh L chỉ đồng ý trả nợ cho anh T với số tiền 250.000.000 đồng với lý do: Số tiền 370.000.000 đồng theo hợp đồng ký ngày 05/7/2025 là số tiền cộng dồn của các lần vay trước đó, bao gồm nợ gốc 150.000.000 đồng và nợ lãi với lãi suất 6%/tháng/số tiền vay anh T cộng dồn lại. Anh L cung cấp chứng cứ là 02 giấy ghi số tiền nợ và được anh T thừa nhận là chữ viết của anh T. Xét nội dung 02 giấy ghi số tiền nợ mà anh L cung cấp thể hiện:

- Giấy ghi nợ thứ nhất: *"Ngày 8/2/2025 anh L nợ 227tr. 8/2/25-26/3/25 → 46 ngày. Lãi 46 x 0,2 x 227tr = 20,884tr. Vậy đến ngày 26/3/25 anh L nợ: 227tr + 20,884tr = 247,884tr"*.

- Giấy ghi nợ thứ hai: Ngày 26/3/25 anh L nợ *247,884tr. Từ 26/3/25-30/4/25 → 36 ngày. Tiền lãi 247,884tr x 36 x 0,2 =17tr847 ngàn. Vậy đến 30/4/2025 anh L còn thiếu 247,884tr + 17tr847 = 265tr731 ngàn (Hai trăm sáu mươi lăm triệu bảy trăm ba mươi mốt ngàn)"*.

[7] Như vậy, nội dung 02 giấy ghi nợ nêu trên và "Hợp đồng vay tiền" ngày 05/7/2025 không thể hiện có sự liên quan giữa các khoản nợ với nhau. Nội dung thỏa thuận trên "Hợp đồng vay tiền" ngày 05/7/2025 cũng không thể hiện số tiền 370.000.000 đồng là số tiền cộng dồn nợ gốc và lãi của các lần vay trước đó. Bên cạnh đó, thỏa thuận về lãi suất (01%/tháng), thời hạn vay (01 tháng) và mục đích vay (mua vật tư xây dựng xóa nhà tạm, nhà dột nát) trên "Hợp đồng vay tiền" ngày 05/7/2025 cũng hoàn toàn khác so với nội dung 02 giấy ghi nợ nêu trên. Mặt khác, nếu cộng dồn nợ gốc và lãi với lãi suất 6%/tháng/số tiền vay theo như lời trình bày của anh L thì số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 05/7/2025 là: (265.731.000 đồng x (thời gian từ ngày 01/5/2025 đến ngày 05/7/2025 là 02 tháng 04 ngày) x lãi suất 6%/tháng) = 34.013.568 đồng tiền lãi + nợ gốc 265.731.000 đồng = 299.744.568 đồng. Số tiền này cũng không khớp với số tiền 370.000.000 đồng theo "Hợp đồng vay tiền" ngày 05/7/2025. Anh L cho rằng số tiền 370.000.000 đồng là cộng dồn nợ gốc và lãi nhưng anh T chỉ thừa nhận số tiền 370.000.000 đồng là cộng dồn nợ gốc, không tính nợ lãi. Tại phiên tòa anh L cung cấp chứng cứ là các chứng từ chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng nhưng xét thấy các chứng từ này không ghi rõ nội dung, mục đích chuyển tiền nên không thể xác định được từng lần chuyển tiền là thanh toán cho giao dịch nào giữa hai bên. Từ những lập luận trên, ý kiến của anh L cho rằng số tiền 370.000.000 đồng theo hợp đồng ký ngày 05/7/2025 là số tiền cộng dồn nợ gốc và nợ lãi của các lần vay trước đó là không có cơ sở để chấp nhận. Tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *"Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác"*. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả nợ gốc với số tiền 370.000.000 đồng.

[8] Về nợ lãi: Theo quy định tại khoản 2 Điều 5, điểm a khoản 3 Điều 6 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao và khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp

đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; lãi trên nợ lãi tương ứng với thời gian chậm trả tiền lãi trên nợ gốc và lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

[9] Lãi trên nợ gốc: Tại điểm a khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *"5. Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau: a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này"*. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ lãi với lãi suất theo thỏa thuận trên "Hợp đồng vay tiền" ngày 05/7/2025 là 01%/tháng tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm. Bị đơn thừa nhận từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm chưa trả nợ lãi cho nguyên đơn nhưng không đồng ý trả nợ lãi cho nguyên đơn với lý do như đã nêu tại mục [].Tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *"Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất. Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực."*. Theo thỏa thuận trên hợp đồng, lãi suất vay do các bên thỏa thuận là 01%/tháng tương đương 12%/năm. Như vậy, lãi suất theo thỏa thuận giữa các bên không vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay nên mức lãi suất theo thỏa thuận có hiệu lực. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi với lãi suất 01%/tháng của khoản tiền vay là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Thời gian tính nợ lãi trên nợ gốc tương ứng với thời hạn vay trên hợp đồng là 01 tháng. Tiền lãi trên nợ gốc = (nợ gốc 370.000.000 đồng) x (01%/tháng) x (01 tháng) = 3.700.000 đồng.

[10] Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả: Tại điểm b khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *"5. Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau: b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác"*. Nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả lãi với lãi suất 01%/tháng tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả = (nợ gốc 370.000.000 đồng) x (01%/tháng) x (thời gian chậm trả từ ngày 06/8/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm 04/02/2026 = 05 tháng 09 ngày) = 22.076.667 đồng.

[11] Lãi trên nợ lãi: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Tổng nợ gốc và nợ lãi, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền là 370.000.000 đồng + 3.700.000 đồng + 22.076.667 đồng = 395.776.667 đồng.

[13] Về án phí: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[14] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[15] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Cần Thơ tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật cũng như nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 385, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 469, Điều 470 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án; Nghị quyết số: 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả nợ vay.

Buộc bị đơn anh Nguyễn Ngọc L có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn anh Nguyễn Thành T số tiền nợ vay là 395.776.667 đồng (ba trăm chín mươi lăm triệu bảy trăm bảy mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng), bao gồm nợ gốc 370.000.000 đồng (ba trăm bảy mươi triệu đồng) và nợ lãi 25.776.667 đồng (hai mươi lăm triệu bảy trăm bảy mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án

xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Bị đơn anh Nguyễn Ngọc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 19.788.833 đồng (mười chín triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn tám trăm ba mươi ba đồng).

Trả lại cho nguyên đơn anh Nguyễn Thành T số tiền 9.250.000 đồng (chín triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006666 ngày 21 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND khu vực 11 - Cần Thơ;
- Thi hành án dân sự TP. Cần Thơ;
(Phòng THADS khu vực 11 - Cần Thơ);
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

Võ Thị Ánh Trúc